

Những điểm mới đáng chú ý của Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân

Ngày 26/6/2025, Quốc hội đã thông qua Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân (“Luật BV DLCN”). Luật BV DLCN sẽ có hiệu lực thi hành từ ngày 01/1/2026.

Vấn đề trọng yếu nhất vẫn chưa được giải quyết từ quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân hiện tại là Luật mới không phân biệt và loại trừ nghĩa vụ đối với bên kiểm soát, bên xử lý dữ liệu cá nhân với các mục đích giao tiếp thông thường, giao dịch mang tính cá nhân hay của hộ gia đình. Luật BV DLCN cũng không phân biệt quy mô xử lý dữ liệu để ấn định các nghĩa vụ tương ứng đối với các đối tượng này. Luật BV DLCN có một số quy định mới, sốa đổi hoặc bổ sung đáng chú ý so với Nghị định Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/04/2023 (“Nghị định 13”), bao gồm:

1. Làm rõ hơn khái niệm Dữ liệu cá nhân

Luật BV DLCN (a) làm rõ dữ liệu cá nhân (“DLCN”) gồm cả dữ liệu số và thông tin dưới dạng khác mà xác định hoặc giúp xác định một con người cụ thể; (b) giới hạn nội hàm của DLCN khi không định rằng sau khi không nhận dạng, dữ liệu sẽ không còn là DLCN; (c) duy trì cách phân loại DLCN thành hai loại, trong đó DLCN cơ bản là dữ liệu được sử dụng phổ biến thường xuyên, còn DLCN nhạy cảm gắn liền với quyền riêng tư của cá nhân, khi bị xâm phạm thì sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp. Nghị định hướng dẫn Luật BV DLCN sẽ đưa ra 2 danh mục để phân loại và hướng dẫn cụ thể về hai nhóm DLCN này.

2. Tinh gọn các Quyền và Nghĩa vụ của Chủ thể dữ liệu

Luật BV DLCN xóa bỏ và gộp 11 quyền của chủ thể DLCN xuống còn 6 quyền giúp làm rõ hơn phạm vi các quyền và phù hợp với thông lệ quốc tế, đồng thời Luật cũng gỡ bỏ 1 nghĩa vụ được đánh giá là không phù hợp đang áp đặt với chủ thể DLCN (là tham gia

tuyên truyền, phổ biến kỹ năng bảo vệ DLCN).

3. Kiểm soát chặt chẽ hơn việc chuyển DLCN xuyên biên giới

Luật BVDLCN

(a) Ngoài 2 trường hợp chuyển DLCN xuyên biên giới đã được quy định là: (i) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tại Việt Nam chuyển DLCN cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài; (ii) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài sử dụng nhân tố ở nước ngoài lãnh thổ Việt Nam để xử lý DLCN được thu thập tại Việt Nam; bổ sung trường hợp thứ 3 là chuyển DLCN đang lưu trữ tại Việt Nam đến hệ thống lưu trữ dữ liệu đặt ngoài lãnh thổ Việt Nam.

Tuy nhiên, do phạm vi của việc chuyển DLCN này là rất rộng và không có hạn chế nên quy định này gây khó khăn cho các chủ thể chia sẻ thông tin. Ví dụ, bất kỳ ai gửi thư điện tử cho khách hàng nước ngoài hoặc dùng hộp thư có máy chủ đặt ở nước ngoài, dù có hay không đính kèm là các chữ ký, thông tin chứa DLCN cũng có thể bị xếp vào trường hợp (i) nêu trên và phải lập Hồ sơ đánh giá tác động chuyển DLCN ra nước ngoài. Điều này ảnh hưởng đến tất cả mọi chủ thể và trực tiếp ảnh hưởng đến những hoạt động được coi là hoạt động kinh doanh thường ngày của bất kỳ doanh nghiệp nào, và tạo ra sự bất cập trong thực tế.

(b) xác định lại mức thời hạn mà tổ chức, cá nhân chuyển DLCN xuyên biên giới phải lập hồ sơ đánh giá tác động chuyển DLCN xuyên biên giới và gửi 01 bản chính cho cơ quan chuyên trách bảo vệ DLCN là 60 ngày kể từ ngày đầu tiên chuyển DLCN xuyên biên giới, thay cho ngày tiến hành xử lý DLCN để tạo thuận lợi hơn cho doanh nghiệp trong thực hiện và phù hợp với thực tế.

4. Thêm hành vi bị nghiêm cấm

Luật BVDLCN bổ sung nhóm hành vi chiếm đoạt, cố ý làm lộ, làm mất DLCN ngoài 06 nhóm hành vi bị nghiêm cấm liên quan đến DLCN đã được quy định.

5. Xí phạt nghiêm khắc đối với hành vi vi phạm

Đó góp phần khắc phục tình trạng vi phạm pháp luật và bảo vệ dữ liệu nghiêm trọng ở Việt Nam hiện nay với những vụ rò rỉ hay mua bán thông tin cá nhân, Luật BVĐLCN lần đầu tiên quy định những mức xử phạt nghiêm khắc đối với các hành vi phạm, bao gồm: (a) Mức phạt tiền tối đa trong xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi mua, bán ĐLCN là 10 lần khoản thu có được từ hành vi vi phạm; (b) Mức phạt tiền tối đa trong xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức có hành vi vi phạm quy định chuyển ĐLCN xuyên biên giới là 5% doanh thu của năm trước liên kết của tổ chức đó; và (c) Trường hợp không có doanh thu của năm trước liên kết hoặc mức phạt tính theo doanh thu thấp hơn mức phạt tiền tối đa trong xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm khác trong lĩnh vực bảo vệ ĐLCN là 03 tỷ đồng thì áp dụng mức phạt tiền tối đa 03 tỷ đồng.

6. Hướng dẫn bảo vệ dữ liệu cá nhân trong một số lĩnh vực cụ thể

(a) Để bù đắp khiếm khuyết của các quy định pháp luật trước đây và nâng cao ý thức của các doanh nghiệp, Luật BVĐLCN lần đầu tiên quy định cụ thể về trách nhiệm bảo vệ ĐLCN của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong tuyển dụng, quản lý, sử dụng người lao động (“NLĐ”), bao gồm:

(i) Trong tuyển dụng NLĐ: Chủ được yêu cầu cung cấp các thông tin phục vụ cho mục đích tuyển dụng phù hợp với quy định của pháp luật; thông tin được cung cấp chỉ được sử dụng vào mục đích tuyển dụng và mục đích khác theo thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật; Thông tin cung cấp phải được xử lý theo quy định của pháp luật và phải được sự đồng ý của người dự tuyển; Phải xóa, hủy thông tin đã cung cấp của người dự tuyển trong trường hợp không tuyển dụng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác với người đã dự tuyển;

(ii) Trong quản lý, sử dụng NLĐ: Việc xử lý ĐLCN của NLĐ được thu thập bằng biện pháp công nghệ, kỹ thuật phải đáp ứng các

yêu cầu sau: Chỉ được áp dụng các biện pháp công nghệ, kỹ thuật phù hợp với quy định của pháp luật và báo đảm quyền, lợi ích của chủ thể DLCN, trên cơ sở NLD biết rõ biện pháp đó; và không được xâm lý, sử dụng DLCN thu thập từ các biện pháp công nghệ, kỹ thuật trái quy định của pháp luật. DLCN của NLD chỉ được lưu trữ trong thời hạn theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận; và phải bị xóa, hủy khi chấm dứt hợp đồng, trừ trường hợp theo thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định khác.

(b) Luật BVDLCN cũng điều chỉnh việc cung cấp thông tin sức khỏe báo hiểm vãn bị đồng lâu nay, theo đó cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực sức khỏe không cung cấp DLCN cho bên thứ ba là tổ chức cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe hoặc dịch vụ báo hiểm sức khỏe, báo hiểm nhân thọ, trừ trường hợp có yêu cầu bằng văn bản của chủ thể DLCN hoặc được Luật BVDLCN cho phép. Nếu doanh nghiệp kinh doanh tái báo hiểm, nhượng tái báo hiểm và chuyển DLCN cho đối tác thì việc đó chỉ được nêu rõ trong hợp đồng với khách hàng.

(c) Theo Luật BVDLCN, tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, hoạt động thông tin tín dụng có một số trách nhiệm mới sau đây: (i) Không sử dụng thông tin tín dụng của chủ thể DLCN để chấm điểm, xếp hạng tín dụng, đánh giá thông tin tín dụng, đánh giá mức độ tín nhiệm vãn tín dụng của chủ thể DLCN khi chưa có sự đồng ý của họ; (b) Chỉ thu thập những DLCN chỉ thiết phục vụ cho hoạt động thông tin tín dụng từ các nguồn phù hợp với quy định của Luật BVDLCN và các quy định khác của pháp luật có liên quan; (c) Thông báo cho chủ thể DLCN trong trường hợp lộ, mất thông tin vãn tài khoản ngân hàng, tài chính, tín dụng, thông tin tín dụng.

(d) Luật BVDLCN cũng quy định rõ hơn: (i) Việc xâm lý DLCN của khách hàng để kinh doanh dịch vụ tiếp thị, giới thiệu sản phẩm quảng cáo phải được sự đồng ý của khách hàng, trên cơ sở khách hàng biết rõ nội dung, phương thức, hình thức, tần suất giới thiệu sản phẩm; (ii) Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ tiếp thị, giới thiệu sản phẩm quảng cáo có trách nhiệm chứng minh

việc sử dụng DLCN của khách hàng được giới thiệu sản phẩm đúng với quy định; và (iii) Tổ chức, cá nhân khi sử dụng DLCN để quảng cáo theo hành vi hoặc có mục tiêu cụ thể hoặc cá nhân hóa quảng cáo chỉ được thu thập DLCN thông qua việc theo dõi trang thông tin điện tử, công thông tin điện tử, ứng dụng khi có sự đồng ý của chủ thể DLCN; và phải thiết lập phương thức cho phép chủ thể DLCN từ chối chia sẻ dữ liệu; xác định thời gian lưu trữ; xóa, hủy dữ liệu khi không còn cần thiết.

(e) Theo Luật BVDLCN các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ mạng xã hội, dịch vụ truy cập thông trực tuyến có trách nhiệm: (i) Không được yêu cầu cung cấp hình ảnh, video chứa nội dung đồi bại hoặc một phần gây tò mò tùy thân làm yếu tố xác thực tài khoản; (ii) Cung cấp lựa chọn cho phép người dùng từ chối thu thập và chia sẻ tệp dữ liệu (gọi là “cookies”); (iii) Cung cấp lựa chọn “không theo dõi” hoặc chỉ được theo dõi hoạt động sử dụng dịch vụ khi có sự đồng ý của người sử dụng; (iv) Không nghe lén, nghe trộm hoặc ghi âm cuộc gọi và đọc tin nhắn văn bản khi không có sự đồng ý của chủ thể DLCN, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; (v) Công khai chính sách bảo mật, giới thích rõ cách thức thu thập, sử dụng và chia sẻ DLCN; v.v.

(f) Luật BVDLCN còn lần đầu tiên quy định bảo vệ DLCN trong xử lý dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, vũ trụ số, điện toán đám mây để phát triển công nghiệp 4.0 và đẩy mạnh chuyển đổi số ở Việt Nam; theo đó: (i) DLCN trong môi trường này phải được xử lý đúng mục đích và giới hạn trong phạm vi cần thiết; (ii) Hệ thống và dịch vụ phải được tích hợp các biện pháp bảo mật DLCN phù hợp; sử dụng phương thức xác thực, định danh phù hợp và phân quyền truy cập để xử lý DLCN; (iii) Riêng việc xử lý DLCN bằng trí tuệ nhân tạo phải thực hiện phân loại theo mức độ rủi ro để có biện pháp bảo vệ DLCN phù hợp.

(g) Luật BVDLCN quy định một số biện pháp bảo vệ tăng cường đối với một số loại DLCN nhạy cảm, bao gồm:

(i) Đối với dữ liệu vị trí cá nhân: Không áp dụng việc theo

dổi định vị qua th^đ nhận dạng t^đn s^đ vô tuy^đn và các công nghệ khác, trừ trường hợp có sự đ^đng ý c^đa ch^đ th^đ DLCN hay có yêu c^đu c^đa cơ quan có th^đm quy^đn theo quy định c^đa pháp luật hoặc pháp luật có quy định khác; T^đ chức, cá nhân cung c^đp n^đn t^đng ứng dụng di động ph^đi thông báo cho người s^đ dụng v^đ việc s^đ dụng dữ liệu vị trí cá nhân; có biện pháp ngăn chặn việc thu thập dữ liệu vị trí cá nhân c^đa t^đ chức, cá nhân không liên quan; cung c^đp cho người s^đ dụng các tùy chọn theo dõi vị trí cá nhân.

(ii) Đ^đi với dữ liệu sinh tr^đc học: Cơ quan, t^đ chức, cá nhân thu thập và x^đ lý ph^đi có biện pháp b^đo mật vật lý đ^đi với thi^đt bị lưu trữ và truy^đn t^đi dữ liệu sinh tr^đc học c^đa mình, hạn ch^đ quy^đn truy cập và có hệ th^đng theo dõi đ^đ phòng ngừa, phát hiện hành vi xâm phạm loại DLCN này, tuân th^đ quy định c^đa pháp luật và tiêu chu^đn qu^đc t^đ có liên quan; Trường hợp việc x^đ lý dữ liệu sinh tr^đc học gây thiệt hại cho ch^đ th^đ DLCN thì t^đ chức, cá nhân thu thập và x^đ lý dữ liệu ph^đi thông báo cho ch^đ th^đ DLCN đó theo quy định c^đa Chính ph^đ.

7. Quy định đi^đu kiện c^đa lực lượng và dịch vụ b^đo vệ dữ liệu cá nhân

Luật BVDLCN yêu c^đu: (a) T^đt c^đ các cơ quan, t^đ chức x^đ lý DLCN; chứ không ch^đ cơ quan, t^đ chức x^đ lý dữ liệu nhạy c^đm theo quy định trước đây; có trách nhiệm ch^đ định bộ phận, nhân sự đ^đ đi^đu kiện năng lực b^đo vệ DLCN hoặc thuê t^đ chức, cá nhân cung c^đp dịch vụ b^đo vệ DLCN; và (b) Bộ phận, nhân sự b^đo vệ DLCN trong cơ quan, t^đ chức; t^đ chức, cá nhân cung c^đp dịch vụ b^đo vệ DLCN; dịch vụ x^đ lý DLCN ph^đi đáp ứng đi^đu kiện và có nhiệm vụ do Chính ph^đ quy định. Do đó, quy định này tạo ra gánh nặng nghĩa vụ tuân th^đ khi mọi cơ quan, t^đ chức đ^đu có hoạt động x^đ lý DLCN, ít nh^đt là DLCN c^đa nhân viên; và Nghị định đang được soạn th^đo c^đn sớm được hoàn thiện và được Chính ph^đ ban hành đ^đ có những hướng d^đn cụ th^đ cho việc thực hiện Luật BVDLCN, trong đó c^đn xác định nghĩa vụ c^đa từng nhóm doanh nghiệp tương ứng với mục đích, đ^đi tượng ch^đ th^đ DLCN và quy mô x^đ lý dữ liệu.

8. Cho phép một số trường hợp được miễn trừ nghĩa vụ tuân thủ

Luật BVDLCN quy định nêu cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện việc đánh giá tác động xã lý DLCN, đánh giá tác động chuyển DLCN xuyên biên giới (sau đây gọi chung là “đánh giá tác động”) theo quy định của Luật này thì không phải thực hiện đánh giá rủi ro xã lý DLCN, đánh giá tác động chuyển DLCN xuyên biên giới theo quy định của pháp luật về dữ liệu.

Nhằm giảm bớt gánh nặng của nghĩa vụ tuân thủ, Luật BVDLCN còn cho phép hộ kinh doanh, doanh nghiệp siêu nhỏ không phải thực hiện và doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp khởi nghiệp được quyền lựa chọn thực hiện hoặc không thực hiện các quy định về đánh giá tác động và chế định bộ phận, nhân sự đủ điều kiện năng lực bảo vệ DLCN hoặc thuê tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ bảo vệ DLCN trong thời gian 05 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành; trừ doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp khởi nghiệp, hộ kinh doanh, doanh nghiệp siêu nhỏ kinh doanh dịch vụ xã lý DLCN, trực tiếp xã lý DLCN nhạy cảm hoặc xã lý DLCN của số lượng lớn chế thủ DLCN.

9. Hướng dẫn chuyển tiếp

Luật BVDLCN nêu rõ: (a) Hoạt động xã lý DLCN đang thực hiện mà đã được chế thủ DLCN đồng ý hoặc theo thỏa thuận theo quy định của Nghị định 13 trước ngày Luật BVDLCN có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện, không phải xin đồng ý lại hoặc thỏa thuận lại; và (b) Hồ sơ đánh giá tác động theo quy định của Nghị định 13 đã được cơ quan chuyên trách bảo vệ DLCN tiếp nhận trước ngày Luật BVDLCN có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được sử dụng và không phải lập hồ sơ đánh giá tác động theo quy định của Luật BVDLCN; việc cập nhật các hồ sơ đã lập nêu trên sau ngày Luật BVDLCN có hiệu lực thi hành sẽ thực hiện theo quy định của Luật BVDLCN.